

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN BÌNH
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:05/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 10-01-2023

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN BÌNH – TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Nga

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Anh Tuấn và ông Nguyễn Văn Thống

-Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Kim Thao - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 177/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2022 về: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2022/QĐXX - ST ngày 30 tháng 11 năm 2022 và thông báo mở lại phiên tòa số 41/TB-TA ngày 22 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Đức V, sinh năm 1988.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1992.

Cùng địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện Y, tỉnh Yên Bái.

(Các đương sự đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn – anh Nguyễn Đức V trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị T trên cơ sở tự nguyện,

đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Y, tỉnh Yên Bái ngày 14-11-2009. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2021 vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, mặc dù vợ chồng đã hòa giải nhiều lần nhưng không khắc phục được mâu thuẫn. Từ đầu năm 2022 vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng với chị T không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Minh A, sinh ngày 10-7-2011; Nguyễn Phương A, sinh ngày 15-9-2016 và Nguyễn Phương T, sinh ngày 08-01-2019. Anh có nguyện vọng giao 03 con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh sẽ cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Minh A và Nguyễn Phương A mỗi cháu là 1.000.000đồng/tháng; cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Phương T là 1.500.000 đồng/tháng. Thời điểm cấp dưỡng, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về chia tài sản và nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn – chị Nguyễn Thị T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian, địa điểm và các điều kiện kết hôn như lời trình bày của anh V là đúng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khi chị sinh cháu thứ ba thì xảy ra mâu thuẫn, do anh V chơi bời, nợ nần, chị đã động viên anh V tu chí làm ăn để trả nợ nhưng anh V không thay đổi, chị phát hiện chồng có quan hệ với người phụ nữ khác nhưng chị đã tha thứ để vợ chồng về đoàn tụ. Đến nay, chị xác định tình cảm vợ chồng với anh V vẫn còn và không đồng ý ly hôn.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 03 con chung như anh V đã trình bày, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 3 cháu cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị yêu cầu anh V cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Minh A và Nguyễn Phương A, mỗi cháu là 1.000.000 đồng/tháng; cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Phương T là: 1.500.000đồng/tháng. Thời điểm cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Về chia tài sản và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải giữa các đương sự nhưng không thành.

Tại phiên tòa: Anh Nguyễn Đức V và chị Nguyễn Thị T thỏa thuận, anh V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là Nguyễn Minh A, sinh ngày 10-7-2011 và Nguyễn Phương A, sinh ngày 15-9-2016; Chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là Nguyễn Phương T, sinh ngày 08-01-2019 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Bình tại phiên tòa: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Đức V để xử cho anh Nguyễn Đức V được ly hôn với chị Nguyễn Thị T. Về nuôi con chung: Giao con chung là Nguyễn Minh A, sinh ngày 10-7-2011 và Nguyễn Phương A, sinh ngày 15-9-2016 cho anh V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; giao con chung là Nguyễn Phương T, sinh ngày 08-01-2019 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào; Về án phí: Anh Nguyễn Đức V phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn H, xã H, huyện Y, tỉnh Yên Bái nên yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Đức V thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Bình.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Đức V và chị Nguyễn Thị T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái ngày 14-11-2009, vì vậy quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh V và chị T đều xác định trong quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn, do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không

hợp. Mặc dù, chị T không nhất trí ly hôn nhưng chị cũng không tìm ra biện pháp tích cực nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Anh V đề nghị không tiến hành hòa giải và kiên quyết xin ly hôn. Từ đó có căn cứ cho thấy tình trạng hôn nhân giữa anh Nguyễn Đức V và chị Nguyễn Thị T đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Đức V là có căn cứ. Vì vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình để xử cho anh Nguyễn Đức V được ly hôn chị Nguyễn Thị T.

[3] Về nuôi con chung: Anh Nguyễn Đức V và chị Nguyễn Thị T có ba con chung là Nguyễn Minh A, sinh ngày 10-7-2011; Nguyễn Phương A, sinh ngày 15-9-2016 và Nguyễn Phương T, sinh ngày 08-01-2019. Anh V và chị T thỏa thuận, anh V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là Nguyễn Minh A, sinh ngày 10-7-2011 và Nguyễn Phương A, sinh ngày 15-9-2016; Chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là Nguyễn Phương T, sinh ngày 08-01-2019 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Xét thỏa thuận của anh chị là hợp pháp, không trái pháp luật và không trái đạo đức xã hội cần được chấp nhận.

[4] Về chia tài sản và nợ chung: Anh Nguyễn Đức V và chị Nguyễn Thị T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát đã phát biểu ý kiến về quá trình thụ lý, giải quyết của Thẩm phán, thư ký, của Hội đồng xét xử, của người tham gia tố tụng tại phiên tòa và quan điểm giải quyết nội dung vụ án đúng theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Anh Nguyễn Đức V phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 147, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban hương vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Nguyễn Đức V được ly hôn chị Nguyễn Thị T

2. *Về nuôi con chung*: Giao con chung là Nguyễn Minh A, sinh ngày 10-7-2011 và Nguyễn Phương A, sinh ngày 15-9-2016 cho anh V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; giao con chung là Nguyễn Phương T, sinh ngày 08-01-2019 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. *Về án phí*: Anh Nguyễn Đức V phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai số: 0002891 ngày 06-10-2022 của chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái (anh V đã nộp đủ).

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Yên Bình;
- THADS huyện Yên Bình;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu HS, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Lê Thị Thanh Nga